

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản số: 203/2017/HNGĐ-ST**

**Ngày: 10/8/2017**

**V/v: " Xin ly hôn "**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Màu

2. Ông Nguyễn Bay

*Thư ký phiên tòa:* Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2017, về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 973/2017/QĐST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 1107/2017/QĐST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn:*Anh Lê Xuân L, sinh năm 1981(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2016, các bản khai và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Giữa chị và anh Lê Xuân L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 12/7/2006. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân chồng chị anh Lê Xuân L bỏ vào TP. Hồ Chí Minh sinh sống một năm chỉ về nhà 02 lần, chị và gia đình anh L có khuyên anh L về quê sinh sống cùng vợ con nhưng anh L không nghe. Từ năm 2013 đến nay anh L và chị đã không chung sống với nhau nên vào năm 2015 chị đã nộp đơn ly hôn nhưng rồi rút đơn Tòa đình chỉ, vì anh L đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh, anh vẫn đi về nhà cha mẹ anh ở thị trấn P nhưng khi Tòa triệu tập thì cô tình trốn tránh không đến. Nay xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không còn chung sống với nhau không có trách nhiệm lẫn nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân L.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung Lê Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 04/6/2006. Con hiện đang ở với chị, nay ly hôn cháu Tr có nguyện vọng được ở với chị, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không có tài sản chung, hiện nay vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không khai và không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Xuân L đã được Tòa tổng đạt các văn bản thủ tục tố tụng hợp lệ, nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

\*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Hướng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56, 81,82 Luật Hôn nhân gia đình giải quyết vụ án như sau: cho chị T ly hôn anh L và giao con chung là Lê Nguyễn Thùy Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh L cấp dưỡng nuôi con.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

Về thủ tục tố tụng: Mặc dù anh Lê Xuân L đã được tổng đạt lợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án, nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Xuân L, thì Hội đồng xét xử thấy rằng : Hôn nhân giữa chị và anh L là tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 12/7/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị và anh Lê Xuân L có thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, nhưng quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh Lê Xuân L đi làm ăn không chăm lo đến vợ con, vợ chồng không chung sống với nhau gần 03 năm nên tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L không còn nên chị T xin ly hôn anh L. Đối với anh Lê Xuân L, qua xác minh anh L vẫn còn đang sống chung với cha mẹ anh tại thôn M, thị trấn P và đã được Tòa án thông báo các thủ tục tố tụng nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa, không có ý kiến trình bày bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xét câu của chị T xin ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị và anh L có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 04/6/2006. Con hiện đang ở với chị T, khi ly hôn cháu Tr có nguyện vọng được ở với mẹ, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

1.000.000đ, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Tr cho chị T là phù hợp và có căn cứ tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Buộc buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, quá trình chị T và anh L sống chung không nợ ai, không ai nợ mình, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí DSST: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ về án phí ly hôn, anh L phải chịu 200.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào công quỹ nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 200.000đ theo biên lai thu tiền số 0001893, ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định được khấu trừ vào tiền án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết về án phí, lệ phí Toà án.

#### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Lê Xuân L.

Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 04/6/2006 (con hiện đang ở với chị T) cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, quá trình chị và anh L chung sống không nợ ai cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí DSST: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ về án phí ly hôn, anh L phải chịu 200.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào công quỹ nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 200.000đ theo biên lai thu tiền số 0001893, ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định được khấu trừ vào tiền án phí.

Chị T có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án(ngày 10/8/2017), anh L vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân thị trấn P.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- Các bên đương sự
- VKSND huyện Tuy Phước
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
- Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**